

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M - Sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Ông Phạm Trọng B - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bà M, ông B (bà M, ông B đều có đề nghị xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị M trình bày: Bà và ông Phạm Trọng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 09/9/1989. Quá trình chung sống mâu thuẫn của chủ giữa bà và ông B là do ông B thường xuyên rượu chè về đánh đập vợ, con. Nhiều lần chính quyền thôn xã đã phải đến giải quyết nên hai bên không tìm được tiếng nói chung, đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Trọng B. Bà và ông B có 03 con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1992, Phạm Thị M, sinh năm 1995, Phạm Thị Đ, sinh năm 2003 (đã chết ngày 14/9/2022). Hiện nay con chung đã đến tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà và ông B có tài sản chung là diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X783598 mang tên hộ ông Phạm Trọng B. Đối với tài sản này bà muốn được tự thỏa thuận với ông B nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp bà và ông B không tự thỏa thuận được thì bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Về các vấn đề có liên quan trong hôn nhân, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai nộp cho Tòa án đề ngày 20/3/2023, bị đơn ông Phạm Trọng B trình bày: Ông và bà M lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phú vào năm 1989. Qua thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi nhau, ông có tát bà M mấy cái. Hiện nay ông và bà M đang sống ly thân, bà M ở đâu ông cũng không biết, không liên lạc được với bà M. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà M có tình đòi ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1992, Phạm Thị M, sinh năm 1995, Phạm Thị Đ, sinh năm 2003 (đã mất ngày 14/9/2022). Hiện nay con chung đã đến tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, bà M có mặt, ông B vắng mặt (có đề nghị giải quyết vắng mặt). Bà M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông B theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Bà M và ông B xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của bà M và ông B đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M và ông B đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa bà Vũ Thị M và ông Phạm Trọng B là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng ông B bà M có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông B. Ông B không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị M, xử cho bà được ly hôn với ông Phạm Trọng B là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Vũ Thị M và ông Phạm Trọng B có 03 con chung là Phạm Thị T, sinh năm 1992, Phạm Thị M, sinh năm 1995, Phạm Thị Đ, sinh năm 2003 (đã mất ngày 14/9/2022). Hiện nay con chung đã đến tuổi trưởng thành, bà M và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M, ông Phạm Trọng B không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Vũ Thị M và ông Phạm Trọng B.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Bà Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003910 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Bà Vũ Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Bà Vũ Thị M, ông Phạm Trọng B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh